

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 101A Nguyễn Khuyến - phường Văn Miếu - quận Đống Đa - Hà Nội

Tel: (04) 3 823 7505

Fax: (04) 3 823 7506

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH TÀI KHOẢN	11 - 12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2015.

### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHTT ngày 08/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày 14/09/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : (04) 3 823 7505

Fax : (04) 3 823 7506

Mã số thuế : 0100111754

### **Vốn điều lệ**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013:

- Vốn điều lệ của Công ty là 15.710.000.000 VND (Mười lăm tỷ bảy trăm mười triệu đồng chẵn).
- Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở đóng góp cổ phần;
- Tổng số cổ phần: 1.571.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 VND (Mười nghìn đồng).

### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Dịch vụ chế bản điện tử và các dịch vụ thương mại khác theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh mua bán các loại vật tư thiết bị phục vụ trong ngành in;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị ngành in;
- In các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, tem nhãn, bao bì, các biểu mẫu thống kê, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác quản lý kinh tế, quản lý hành chính theo đúng quy định của pháp luật;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

*Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:*

Ông Cao Duy Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên
Ông Đào Đình Trình	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Thạch	Ủy viên

*Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:*

Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Phó Giám đốc
Bà Vũ Quốc Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hoan	Kế toán trưởng

*Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:*

Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2015.

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT



Nguyễn Thành Sơn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 3538/01/Quyển số: SCT/BS

Ngày: 14 tháng 9 năm 2017



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Thị Chinh Hà

Số: 86/2016/BCKT - VNASC

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015  
của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật

**Kính gửi :** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 được lập ngày 29 tháng 04 năm 2016 của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

- Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận của các khoản công nợ người mua trả tiền trước, đồng thời chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng với giá trị là 340.752.123 đồng. Các thủ tục thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi các cơ sở hợp lý để đưa ra ý kiến về các khoản mục công nợ nêu trên.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ”, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật cho năm tài chính 2015:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 bộ bằng tiếng Việt, các bộ có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật giữ 03 bộ, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC giữ 01 bộ.



---

**Nguyễn Văn Quý**

**Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3364 - 2015 - 123 - 1*

---

**Nguyễn Thị Thanh Nhân**

**Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3006 - 2014 - 123 - 1*

MẪU SỐ B01 - DNN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

*Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100= 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>7.150.503.883</b>	<b>6.869.741.484</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>609.424.695</b>	<b>1.070.913.175</b>
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.601.232.757</b>	<b>1.348.268.864</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	VII.01	1.693.882.581	1.452.754.981
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Các khoản phải thu khác	138	VII.02	42.350.176	40.513.883
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VII.03	(135.000.000)	(145.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.342.451.010</b>	<b>4.426.217.697</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.02	4.342.451.010	4.426.217.697
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>597.395.421</b>	<b>24.341.748</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		109.266.086	19.341.748
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	152	VII.04	457.329.335	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.05	30.800.000	5.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240)	<b>200</b>		<b>14.799.022.769</b>	<b>15.400.718.460</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>	<b>V.05</b>	<b>14.512.694.950</b>	<b>15.139.975.277</b>
1. Nguyên giá	211		30.132.051.752	30.250.184.335
2. Giá trị hao mòn lũy kế	212		(15.619.356.802)	(15.110.209.058)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213		-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>220</b>		-	-
1. Nguyên giá	221		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	222		-	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>230</b>		-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	239		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>240</b>		<b>286.327.819</b>	<b>260.743.183</b>
1. Phải thu dài hạn	241		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	248	VII.06	286.327.819	260.743.183
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>21.949.526.652</b>	<b>22.270.459.944</b>

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*



MẪU SỐ B01 - DNN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>4.142.053.480</b>	<b>5.062.716.306</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.135.425.149</b>	<b>5.062.716.306</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	VII.07	2.724.264.957	3.140.238.994
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.08	100.920.190	102.092.190
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.03	252.145.200	521.824.171
5. Phải trả người lao động	315		220.776.342	530.500.920
6. Chi phí phải trả	316	VII.09	480.725.000	-
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318	VII.10	263.690.689	767.884.530
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		175.501	175.501
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	VII.11	92.727.270	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.628.331</b>	<b>-</b>
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338	VII.12	6.628.331	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.04</b>	<b>17.807.473.172</b>	<b>17.207.743.638</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>17.807.473.172</b>	<b>17.207.743.638</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VII.13	15.710.000.000	15.710.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		309.397.035	309.397.035
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		1.788.076.137	1.188.346.603
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>21.949.526.652</b>	<b>22.270.459.944</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CP IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

MẪU SỐ B02 - DNN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

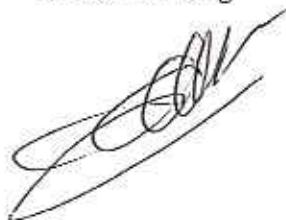
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.6	19.563.189.875	25.424.732.999
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	VII.14	19.563.189.875	25.424.732.999
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.15	15.159.363.716	21.308.651.333
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.403.826.159	4.116.081.666
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.16	14.180.558	29.325.171
7 Chi phí tài chính	22	VII.17	-	16.036.517
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	12.647.760
8 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VII.18	3.036.147.069	2.640.625.852
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1.381.859.648	1.488.744.468
10 Thu nhập khác	31	VII.19	287.642.857	-
11 Chi phí khác	32	VII.20	125.953.800	-
12 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		161.689.057	-
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.543.548.705	1.488.744.468
14 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	51	VII.21	349.981.171	300.397.865
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.193.567.534	1.188.346.603
16 Lãi/lỗ năm trước chuyển sang			1.188.346.603	1.194.532.262
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.22	759,75	756,43

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

**CÔNG TY CP IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

MẪU SỐ B03 - DNN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2015**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*

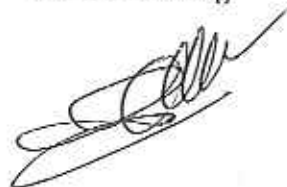
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.845.462.338	28.161.833.171
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7.280.687.152)	(19.698.878.409)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.644.961.152)	(2.688.751.485)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		-	(12.647.760)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(214.065.063)	(370.784.728)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		208.387.398	-
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.726.488.007)	(5.698.836.595)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>187.648.362</b>	<b>(308.065.806)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(79.307.400)	(104.673.400)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(688.829.988)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.180.558	29.325.171
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65.126.842)</b>	<b>(764.178.217)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3	Tiền thu từ đi vay	33		-	688.829.988
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(584.010.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(584.010.000)</b>	<b>688.829.988</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(461.488.480)</b>	<b>(383.414.035)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.070.913.175</b>	<b>1.454.327.210</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>609.424.695</b>	<b>1.070.913.175</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CP IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan



Nguyễn Thành Sơn

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

SỐ HIỆU TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	37.942.371	-	4.358.277.605	4.344.634.092	51.585.884	-
112	Tiền gửi Ngân hàng	1.032.970.804	-	15.919.752.689	16.394.884.682	557.838.811	-
131	Phải thu của khách hàng	1.452.754.981	102.092.190	21.785.058.242	21.542.758.642	1.693.882.581	100.920.190
133	Thuế GTGT được khấu trừ	19.341.748	-	943.237.669	853.313.331	109.266.086	-
141	Tạm ứng	5.000.000	-	54.000.000	33.000.000	26.000.000	-
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	16.740.786	11.940.786	4.800.000	-
152	Nguyên liệu, vật liệu	2.884.039.421	-	11.721.024.653	12.889.333.817	1.715.730.257	-
153	Công cụ, dụng cụ	1.931.401	-	75.024.908	74.208.267	2.748.042	-
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.540.246.875	-	16.123.521.081	15.050.874.366	2.612.893.590	-
154.7	Giấy mang đi quay cắt	-	-	1.734.563.827	1.723.484.706	11.079.121	-
155	Thành phẩm	-	-	15.050.874.366	15.050.874.366	-	-
159	Các khoản dự phòng	-	145.000.000	-	(10.000.000)	-	135.000.000
211	Tài sản cố định	30.250.184.335	-	79.307.400	197.439.983	30.132.051.752	-
214	Hao mòn tài sản cố định	-	15.110.209.058	193.085.947	702.233.691	-	15.619.356.802
242	Chi phí trả trước dài hạn	260.743.183	-	168.175.000	142.590.364	286.327.819	-
331	Phải trả cho người bán	-	3.140.238.994	11.933.451.293	11.517.477.256	-	2.724.264.957
3331	Thuế GTGT đầu ra	-	-	1.980.459.632	1.980.459.632	-	-
3334	Thuế TNDN	-	116.229.092	214.065.063	349.981.171	-	252.145.200
3335	Thuế thu nhập cá nhân	-	3.240.000	14.892.039	11.652.039	-	-
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	402.355.079	1.851.601.763	991.917.349	457.329.333	-
3338	Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
334	Phải trả người lao động	-	530.500.920	2.962.517.946	2.652.793.368	-	220.776.342
335	Chi phí phải trả	-	-	335.814.086	816.539.086	-	480.725.000

SỐ HIỆU TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
338	Phải trả, phải nộp khác	40.513.883	767.884.530	6.359.759.473	5.953.084.940	42.350.176	363.046.290
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	175.501	-	-	-	175.501
411	Nguồn vốn kinh doanh	-	15.710.000.000	-	-	-	15.710.000.000
418	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	309.397.035	-	-	-	309.397.035
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-	1.188.346.603	593.838.000	-	-	594.508.603
4212	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	-	-	28.443.976	1.222.010.610	-	1.193.567.534
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	19.563.189.875	19.563.189.875	-	-
515	Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	14.180.558	14.180.558	-	-
632	Giá vốn hàng bán	-	-	15.159.363.716	15.159.363.716	-	-
642	Chi phí quản lý kinh doanh	-	-	3.036.147.069	3.036.147.069	-	-
711	Thu nhập khác	-	-	287.642.857	287.642.857	-	-
811	Chi phí khác	-	-	125.953.800	125.953.800	-	-
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	349.981.171	349.981.171	-	-
911	Xác định kết quả kinh doanh	-	-	19.893.456.366	19.893.456.366	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37.525.669.002</b>	<b>37.525.669.002</b>	<b>172.930.401.956</b>	<b>172.930.401.956</b>	<b>37.703.883.454</b>	<b>37.703.883.454</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

**CÔNG TY CP IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Giám đốc



Kế toán trưởng

Phạm Văn Hoan

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÀU SỐ B09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHTT ngày 08/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày 14/09/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : (04) 3 823 7505

Fax : (04) 3 823 7506

Mã số thuế : 0100111754

**Vốn điều lệ**

Theo giấy chứng nhận nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013:

- Vốn điều lệ của Công ty là 15.710.000.000 VND (Mười lăm tỷ bảy trăm mười triệu đồng chẵn).
- Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở đóng góp cổ phần;
- Tổng số cổ phần: 1.571.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 VND (Mười nghìn đồng).

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo giấy chứng nhận nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Dịch vụ chế bản điện tử và các dịch vụ thương mại khác theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh mua bán các loại vật tư thiết bị phục vụ trong ngành in;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị ngành in;
- In các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, tem nhãn, bao bì, các biểu mẫu thống kê, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác quản lý kinh tế, quản lý hành chính theo đúng quy định của pháp luật;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. *Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2015 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”. Cụ thể các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thoả mãn đồng thời cả 3 tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Thời gian sử dụng ước tính trên một năm;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua, các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 15

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị nhà 05 tầng tại 101A Nguyễn Khuyến có diện tích 1.500 m<sup>2</sup> dùng để cho thuê, nhà 3 tầng có diện tích 118,5 m<sup>2</sup> và tòa nhà tại 120 Nguyễn Khuyến có diện tích 196 m<sup>2</sup>. Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm. Công ty chưa phân loại giữa tài sản cố định và bất động sản đầu tư.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu dịch vụ in và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Doanh thu bán hàng hóa của Công ty được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**9.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế. Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua. Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**9.2 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT):** Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% theo quy định hiện hành.

**Thuế khác:** Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Tiền mặt</i>	51.585.884	37.942.371
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	557.838.811	1.032.970.804
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội - TK 26646</i>	44.813.378	686.714.243
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư &amp; Phát triển VN - CN Hà Nội - TK 7345</i>	187.207.274	25.991.434
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đống Đa - TK 1289532</i>	325.818.159	320.265.127
<b>Tổng cộng</b>	<b>609.424.695</b>	<b>1.070.913.175</b>

**2. Hàng tồn kho**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.715.730.257	2.884.014.421
Công cụ, dụng cụ	2.748.042	1.956.401
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.623.972.711	1.540.246.875
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>4.342.451.010</b>	<b>4.426.217.697</b>

**3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	252.145.200	116.229.092
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.240.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	402.355.079
<b>Tổng cộng</b>	<b>252.145.200</b>	<b>521.824.171</b>

**4. Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.710.000.000	-	-	15.710.000.000
Các quỹ thuộc vốn CSH	309.397.035	-	-	309.397.035
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	1.188.346.603	1.193.567.534	593.838.000	1.788.076.137
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.207.743.638</b>	<b>1.193.567.534</b>	<b>593.838.000</b>	<b>17.807.473.172</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (04) 3 823 7505

Fax: (04) 3 823 7506

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MÃU SỐ B 09 - DNN**

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
<b>Nguyên giá</b>						
- Số dư ngày 01/01/2015	14.889.652.179	14.380.599.663	890.208.857	89.723.636	30.250.184.335	
- Mua trong năm	-	-	-	79.307.400	79.307.400	
- Giảm khác	-	(144.276.347)	-	(53.163.636)	(197.439.983)	
- Số dư ngày 31/12/2015	14.889.652.179	14.236.323.316	890.208.857	115.867.400	30.132.051.752	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
- Số dư ngày 01/01/2015	3.454.918.026	10.712.641.879	871.830.226	70.818.927	15.110.209.058	
- Khấu hao trong năm	297.793.056	378.032.129	9.852.216	16.556.290	702.233.691	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	(142.867.740)	-	(50.218.207)	(193.085.947)	
- Số dư ngày 31/12/2015	3.752.711.082	10.947.806.268	881.682.442	37.157.010	15.619.356.802	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2015	11.434.734.153	3.667.957.784	18.378.631	18.904.709	15.139.975.277	
Tại ngày 31/12/2015	11.136.941.097	3.288.517.048	8.526.415	78.710.390	14.512.694.950	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.474.794.719 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DNN***(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6. Chi tiết doanh thu và thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.563.189.875	25.424.732.999
Doanh thu hoạt động tài chính	14.180.558	29.325.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.577.370.433</b>	<b>25.454.058.170</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	11.385.540.870	11.279.802.822
Chi phí nhân công	3.563.884.156	3.228.423.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	702.233.691	852.067.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.347.302.654	95.832.461
Chi phí khác bằng tiền	2.280.275.250	6.803.057.214
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.279.236.621</b>	<b>22.259.183.941</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty BB Phú Hưng : Nhãn đậu Xanh	85.286.426	85.286.426
Tạp chí Bờ và Biển: Tạp chí	83.443.000	83.443.000
Tạp chí biển Việt Nam: Tạp chí	29.508.000	29.508.000
Công ty TNHH Đào Trọng: Sách	8.243.800	8.243.800
Công ty Quảng cáo Ánh Sáng: In báo cáo	31.750.000	31.750.000
Nhà sách Bách Quyên: Sách	20.446.000	20.446.000
Công ty Cổ phần PHS Khoa học KT: Văn bản	15.347.840	15.347.840
CN NXB Hà Nội - Xí nghiệp In và DVMT	135.000.000	145.000.000
Xí nghiệp Giấy Dạt Tiến Lẻ	29.712.800	29.712.800
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	30.896.000	21.252.000
Nhà xuất bản Phụ nữ	558.700.000	184.442.000
Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia	-	200.000.000
Văn phòng Bộ Y tế	96.400.000	96.400.000
Xí nghiệp In báo Nhi đồng	29.057.055	47.730.744

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Công ty In và Sản xuất Bao bì Hà Nội	7.957.202	7.957.202
Giang Tuyết Minh	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển	-	205.212.329
Công ty Cổ phần In Hà Nội	-	78.400.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Hà Nội	-	85.550.000
Công ty Cổ phần Sáng tạo Việt	-	15.370.080
Công ty TNHH Bao bì Duy Quân	-	41.702.760
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	5.669.959	-
Tổng Công ty Điện Lực Hà Nội	526.464.499	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.693.882.581</b>	<b>1.452.754.981</b>
<b>2. Phải thu khác</b>		
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Phải thu khác - Dư Nợ TK 338</i>	<i>42.350.176</i>	<i>40.513.883</i>
Bảo hiểm xã hội	-	2.361.542
Ôm đau thai sản	5.305.959	27.489.724
Cục Thuế thành phố Hà Nội	-	1.253.452
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	9.007.770	9.007.770
Phải thu khác	-	401.395
Thu các Công ty thuê nhà	2.029.484	-
Thu BIHXH 11,5%	26.006.963	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.350.176</b>	<b>40.513.883</b>
<b>3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>		
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
CN NXB Hà Nội - Xí nghiệp In và DVMT (100%)	(135.000.000)	(145.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(135.000.000)</b>	<b>(145.000.000)</b>
<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	457.329.335	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>457.329.335</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DNN***(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Tạm ứng</i>	<b>30.800.000</b>	<b>5.000.000</b>
Đoàn Xuân Khu	3.000.000	3.000.000
Nguyễn Hữu Sơn	-	2.000.000
Nguyễn Văn Hợi	13.000.000	-
Vũ Quốc Toàn	10.000.000	-
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<b>4.800.000</b>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.800.000</b>	<b>5.000.000</b>

**6. Tài sản dài hạn khác****Chi phí trả trước dài hạn**

	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2015
CCDC chờ phân bổ	40.160.284	-	20.080.140	20.080.144
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	220.582.899	168.175.000	122.510.224	266.247.675
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.743.183</b>	<b>168.175.000</b>	<b>142.590.364</b>	<b>286.327.819</b>

**7. Phải trả người bán**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Bao bì Duy Quân	12.767.912	23.735.396
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.887.910.830	2.417.621.142
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại PP	95.514.597	146.065.528
Công ty TNHH Mạnh Hùng	219.675.500	552.816.928
Công ty Cổ phần SIC	2.016.300	-
Công ty Cổ phần In Báo chí	1.147.947	-
Công ty TNHH Thành Thái	45.100.000	-
Công ty TNHH Giấy và Sản xuất Ngọc Diệp	5.030.998	-
DNTN Nguyễn Xuân Hương	7.068.046	-
Công ty CP Thương mại Sơn Ngân	4.199.800	-
Công ty CP Dịch vụ Thương mại và Sản xuất AHP	177.059.694	-
Công ty CP Hóa chất và TB An Hùng Minh	15.997.582	-
Công ty TNHH Thương mại An Thành	22.552.530	-
Công ty CP Đầu tư XD và Môi trường An Phú	44.385.000	-
Công ty CP In Hà Nội	150.540.740	-
Công ty TNHH MTV Quân đội 1	20.130.000	-
Công ty TNHH SX và TM Long Trà	6.077.500	-
Công ty CP Thương hiệu Quốc gia	4.369.981	-
Nhà xuất bản Phụ nữ	2.720.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.724.264.957</b>	<b>3.140.238.994</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**8. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Việt	1.100.000	1.100.000
Phòng Thị trường	763.950	763.950
Phạm Ngọc Sương	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	5.000.000	5.000.000
Phạm Ngọc Hà	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần in Hà Nội	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Văn hoá Đông A	1.234.000	1.234.000
Vũ Bá Thành	3.828.000	-
Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	45.575.240	45.575.240
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	13.419.000	13.419.000
Công ty Cổ phần TT và Dịch vụ TM LT	-	8.000.000
Công ty TNHH KPMG	8.000.000	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.920.190</b>	<b>102.092.190</b>

**9. Chi phí phải trả**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Trích trước CP Thuê gia công theo hợp đồng</i>	<i>232.400.000</i>	-
Hoàng Văn Đạt	21.107.000	-
Công ty CP Truyền thông và Dịch vụ Thương mại LT	51.540.000	-
Công ty TNHH Thương mại Mạnh Hùng	11.353.000	-
Công ty CP Văn hóa Hà Nội	116.400.000	-
Nguyễn Quốc Chính	14.900.000	-
Bùi Thị Bái	17.100.000	-
<i>Trích trước tiền thưởng tết cho CBCNV</i>	<i>248.325.000</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>480.725.000</b>	-

**10. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>28.862.689</i>	<i>39.800.064</i>
<i>Phải trả phải nộp khác - Dư có TK 3388</i>	<i>234.828.000</i>	<i>728.084.466</i>
Tiền mua cổ phần	200.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Nhà nước MTV - NXB Hà Nội (Cổ tức 2014)	9.828.000	-
Công ty CP DT và PT Giáo dục Hà Nội	-	21.453.331
Lê Thị Bằng	5.000.000	5.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục	-	1.389.224
Thu các Công ty thuê nhà	-	241.911
Công ty CP In Hà Nội	20.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>263.690.689</b>	<b>767.884.530</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Doanh thu cho thuê Văn phòng	92.727.270	-
Phạm Thị Hậu	9.090.909	-
Công ty TNHH Phùng Gia phát Việt Nam	6.363.636	-
Công ty TNHH SX và TM Long Trà	77.272.725	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>92.727.270</b>	<b>-</b>

**12. Phải trả, phải nộp dài hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.628.331	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.628.331</b>	<b>-</b>

**13. Vốn chủ sở hữu****13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư 01/01/2014	15.710.000.000	309.397.035	1.194.532.262	17.213.929.297
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	1.188.346.603	1.188.346.603
- Tăng khác trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.194.532.262)	(1.194.532.262)
Số dư 31/12/2014	15.710.000.000	309.397.035	1.188.346.603	17.207.743.638
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	1.193.567.534	1.193.567.534
- Tăng khác trong năm	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(593.838.000)	(593.838.000)
Số dư 31/12/2015	15.710.000.000	309.397.035	1.788.076.137	17.807.473.172



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

*(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp năm 2015	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV - NXB Hà Nội	1,65%	260.000.000	260.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	13,15%	2.065.660.000	2.065.660.000
Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước	50,97%	8.007.600.000	8.007.600.000
Đào Duy Tiến	1,02%	160.242.000	160.242.000
Vũ Đức Phùng	1,27%	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Thị Liên	6,37%	1.000.727.000	1.000.727.000
Ngô Thị Hào	0,53%	83.000.000	83.000.000
Lê Thị Hằng Nga	0,40%	62.500.000	62.500.000
Đào Đình Trinh	1,47%	231.500.000	231.500.000
Phạm Văn Quyền	0,44%	68.500.000	68.500.000
Lê Ngọc Hoàn	0,83%	130.500.000	130.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	21,90%	3.439.771.000	3.439.771.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>15.710.000.000</b>	<b>15.710.000.000</b>

**13.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số đầu năm	1.188.346.603	1.194.532.262
Tăng trong năm	1.193.567.534	1.188.346.603
Lãi trong năm	1.193.567.534	1.188.346.603
Giảm trong năm	(593.838.000)	(1.194.532.262)
Lỗ trong năm	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	(593.838.000)	(1.194.532.262)
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	(593.838.000)	(1.194.532.262)
<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	-
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-
<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	-
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.788.076.137</b>	<b>1.188.346.603</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**13.4 Cổ tức**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	593.838.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	593.838.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

Ngày 27 tháng 10 năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc tạm chia cổ tức năm 2014 là 3,78 %/cổ phần (mệnh giá cổ phiếu).

**13.5 Cổ phiếu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.571.000	1.571.000
Cổ phiếu phổ thông	1.571.000	1.571.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP</b>		

**14. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	22.299.546	-
Doanh thu bán các thành phẩm	15.421.127.149	21.329.888.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.119.763.180	4.094.844.547
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.563.189.875</b>	<b>25.424.732.999</b>

**15. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	16.279.994	-
Giá vốn bán các thành phẩm	15.050.874.366	21.308.651.333
Giá vốn cung cấp dịch vụ	92.209.356	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.159.363.716</b>	<b>21.308.651.333</b>

**16. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.180.558	29.325.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.180.558</b>	<b>29.325.171</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**17. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	-	12.647.760
Chi phí tiền gửi	-	3.388.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>16.036.517</b>

**18. Chi phí quản lý kinh doanh**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	1.154.592.705	323.367.018
Chi phí vật liệu	90.709.305	110.671.156
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.535.616	57.877.241
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.804.431	23.140.613
Thuế, phí và lệ phí	994.917.349	1.277.049.808
Chi phí dự phòng	(10.000.000)	145.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.472.727	122.397.259
Chi phí bằng tiền khác	528.114.936	581.122.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.036.147.069</b>	<b>2.640.625.852</b>

**19. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý phế liệu	148.680.544	-
Tiền thu từ nhân viên làm sai, hỏng	5.502.149	-
Khác	133.460.164	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>287.642.857</b>	<b>-</b>

**20. Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh toán công nhật phế liệu	78.679.000	-
Chi khác	3.200.000	-
Phạt nộp chậm tiền BHXH	3.316.158	-
Tiền ủng hộ các quỹ	500.000	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	40.258.642	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.953.800</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DNN**

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**21. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.543.548.705	1.488.744.468
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận chịu thuế	47.274.800	13.244.859
2.1 Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	47.274.800	13.244.859
- Phạt nộp chậm bảo hiểm + Thuế	43.574.800	13.244.859
- Chi phí không phục vụ hoạt động kinh doanh khác	3.700.000	-
2.2 Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	-	-
3. Thu nhập tính thuế cả năm (3 = 1 + 2)	1.590.823.505	1.501.989.327
4. Thuế suất thuế TNDN	22%	20%
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành (5 = 3 x 4)	349.981.171	300.397.865

**22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.193.567.534	1.188.346.603
2. Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3 = 1 + 2)	1.193.567.534	1.188.346.603
4. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.571.000	1.571.000
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5 = 3/4)	759,75	756,43

**23. Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Cổ đông sáng lập	1.003.650.077

**24. Số dư với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Cổ đông sáng lập	30.896.000	21.252.000
<b>Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>			
Nhà xuất bản Hà Nội (Cổ tức 2014)	Cổ đông sáng lập	9.828.000	-
Tổng Công ty ĐT&KD Vốn Nhà nước (Tiền cổ phần hóa)	Cổ đông sáng lập	200.000.000	700.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09 - DNN

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**25. Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Chức vụ	Năm 2015 VND
<b>Ban Giám đốc - Lương</b>		
Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc	71.829.872
Bà Phạm Thanh Phương	Phó Giám đốc	55.820.331
Bà Vũ Quế Anh	Phó Giám đốc	54.868.445
Ông Phạm Văn Hoan	Kế toán trưởng	55.887.212
<b>Cộng</b>		<b>238.405.860</b>

**26. Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	32,58	30,85
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	67,42	69,15
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	18,87	22,73
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81,13	77,27
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
<b>2.1 Khả năng thanh toán tổng quát</b> (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	5,30	4,40
<b>2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn</b> (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,73	1,36
<b>2.3 Khả năng thanh toán nhanh</b> (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,15	0,21
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	7,89	5,86
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	6,10	4,67
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	7,03	6,68

**27. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt.

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

**CÔNG TY CP IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hoan

